TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 12 - 8 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thôn; ông Quàng Văn Tiện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị D, Sinh năm 2005. Nơi cư trú: Bản Bó S, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Tr, Sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản Bó S, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Tôi và anh Lò Văn Tr đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại UBND xã Bó S, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La vào năm 2023 (nay là UBND xã Bó S, tỉnh Sơn La). Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau tại bản tại bản Bó S, xã Bó S, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là bản Bó S, xã Bó S, tỉnh Sơn La). Hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người một tính cách khác nhau, không cùng chí hướng, hai vợ chồng

thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn Tr vì hiện nay tình cảm không còn.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lò Duy V, sinh ngày 17/02/2021 và cháu Lò Thúy Tr, sinh ngày 01/12/2022. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Tr đến tuổi Tr thành, còn cháu V sẽ giao cho anh Tr nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lò Văn Tr hợp lệ nhiều lần nhưng anh Tr đều không có mặt, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Tr đối với nội dung khởi kiện của chị D.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát S mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 28/5/2026 xác định: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Tr đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bó S, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là Uỷ ban nhân dân xã Bó S, tỉnh Sơn La) vào năm 2023. Sau khi kết hôn chị D và anh Tr chung sống với nhau tại bản Bó S, xã Bó S, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là bản Bó S, xã Bó S, tỉnh Sơn La). Quá trình chung sống vợ chồng phát S nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lò Duy V, sinh ngày 17/02/2021 và Lò Thúy Tr, sinh ngày 01/12/2022. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng anh Tr tại bản Bó S, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Về tài sản chung, nợ chung chính quyền không nắm rõ.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Lò Văn Tr

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Duy V, sinh ngày 17/02/2021 và cháu Lò Thúy Tr, sinh ngày 01/12/2022 cho anh Lò Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi Tr thành. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr.

Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị D được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị D khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Tr và giải quyết vấn đề về con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lò Văn Tr có địa chỉ tại xã Bó S, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc không hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án giải

quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bó S, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là Uỷ ban nhân dân xã Bó S, tỉnh Sơn La) vào ngày 28/11/2023, việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ kiều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị D và anh Tr xuất phát từ việc hai vợ chồng tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Lò Văn Tr không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Lò Thị D thể hiện ý chí thiếu trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2026 chính quyền địa phương xác nhận hai vợ chồng chị D và anh Tr có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị D ly hôn với anh Tr là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Tr có 02 con chung là cháu Lò Duy V, sinh ngày 17/02/2021 và cháu Lò Thúy Tr, sinh ngày 01/12/2022. Chị Lò Thị D có nguyện vọng được nuôi cháu Tr đến tuổi Tr thành, còn cháu V sẽ giao cho anh Tr nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Qua xác minh tại địa phương, con chung của chị D và anh Tr hiện nay đang S sống cùng anh Tr tại bản Bó S, xã Bó S, tỉnh Sơn La, cuộc sống của các cháu vẫn được đảm bảo. Do vậy, cần giao các cháu Lò Duy V, sinh ngày 17/02/2021 và cháu Lò Thúy Tr, sinh ngày 01/12/2022 cho anh Lò Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi Tr thành phù hợp với Điều 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình. Chi D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị D khai nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số, S sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính,

Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị D đối với anh Lò Văn Tr.

Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Duy V, sinh ngày 17/02/2021 và cháu Lò Thúy Tr, sinh ngày 01/12/2022 cho anh Lò Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi Tr (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Lò Văn Tr. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị D khai nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị D được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lô Văn Long

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La (02);
- Các đương sự;
- UBND xã Bó S, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.